

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 20/4/2022

(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/.Ông Đặng Văn Chiêu

2/.Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2020/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178a/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 73/2022/TB-TA ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1/.Nguyên đơn: NH TMCP KL.

Địa chỉ trụ sở chính: 40-42-44, đường PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG.

Người đại diện theo pháp luật: Bà TTA – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TQS – Chức vụ: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp - NH TMCP KL - Chi nhánh tỉnh BL.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NVH – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ Phòng xử lý nợ - NH TMCP KL - Chi nhánh tỉnh BL.

Cùng địa chỉ: 466 TP, khóm 1, phường 7, thành phố BL, tỉnh BL.

2/.Đồng bị đơn:

2.1/.Ông TVK, sinh năm 1969.

2.2/.Bà TNĐ (TTĐ), sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

3/.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/.Anh TNT, sinh năm 1993.

3.2/.Anh TTN, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Đại diện NH, ông K, bà Đ có đơn xin vắng mặt; Các đương sự khác vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn K kiện ngày 29/5/2019 và các biên bản lấy lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn NH TMCP KL (sau đây gọi tắt là NH) trình bày:

Trước đây vào ngày 28/7/2014, ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) đã ký kết với NH hợp đồng tín dụng số HD16347/HĐTD, để vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng với lãi suất trong hạn 1,1775%/tháng; lãi suất cho vay sẽ được thay đổi từ tháng thứ 6 một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 4,14%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; hình thức thanh toán: tiền lãi vay trả hàng quý, tiền vốn vay trả cuối kỳ. NH đã giải ngân cho ông K, bà Đ số tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 29/7/2014.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông K, bà Đ đã ký kết thế chấp với NH theo hợp đồng thế chấp số HD16347/HĐTC ngày 28/7/2014 là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do ông K, bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC968454 do UBND huyện PL, tỉnh BL cấp ngày 16/9/2005; phần đất có diện tích 814,5m² (trong đó có 300m² đất ở và 514,5m² đất vườn tạp), tại thửa đất số 799, tờ bản đồ số 05; đất tọa lạc tại ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. Việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông K và bà Đ có trả được cho NH số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc từ đó đến nay ông K và bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho NH. Mặc dù NH đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu ông K, bà Đ có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn trên. Nhưng ông K, bà Đ vẫn chưa thanh toán các khoản nợ vay cho NH. Do đó ông K, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định theo hợp đồng tín dụng đã ký kết về nghĩa vụ trả nợ vay.

Nay NH K kiện yêu cầu ông TVK, bà TNĐ (TTĐ) cùng có nghĩa vụ trả cho NH số tiền nợ gốc còn lại là 110.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 17.158.125 đồng, tiền lãi

quá hạn là 188.414.813 đồng và lãi phạt chậm trả là 22.035.678 đồng, tổng cộng là 337.608.616 đồng (tạm tính đến ngày 20/4/2022). Yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trước đây kể từ ngày 21/4/2022 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông K, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, NH yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho NH theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 20/4/2022, đại diện NH có đơn xin rút lại một phần nội dung đơn K kiện đối với ông K và bà Đ về số tiền lãi phạt chậm trả là 22.035.678 đồng nên nay NH chỉ yêu cầu ông TVK, bà TND (TTĐ) cùng có nghĩa vụ trả cho NH tổng số tiền là 315.572.938 đồng.

Theo đồng bị đơn ông TVK và bà TTĐ xác định: Những lời trình bày của NH TMCP KL là đúng. Nay ông bà cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của NH và đồng ý trả số tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ. Nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được trả dần số tiền nợ trên cho NH. Ông K và bà Đ xác định nếu ông bà không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trên cho NH thì ông bà cũng đồng ý để cho cơ quan có thẩm quyền bán phát mãi tài sản mà ông bà đã thế chấp để thu hồi nợ cho NH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh TNT và anh TTN đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Trọng, anh Nguyễn không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh TNT và anh TTN theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: NH yêu cầu ông K và bà Đ trả tổng số tiền tính đến ngày 20/4/2022 là 315.572.938 đồng (gồm tiền gốc là 110.000.000 đồng và lãi trong hạn là 17.158.125 đồng, lãi suất quá hạn là 188.414.813 đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày 21/4/2022 đến khi trả nợ xong cho NH. Trường hợp K và bà Đ không thanh toán được nợ, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trên để thanh toán nợ.

Xét thấy, ông K và bà Đ thừa nhận có vay NH và còn nợ tính đến ngày 20/4/2022 là 315.572.938 đồng (gồm tiền gốc là 110.000.000 đồng và lãi trong hạn là 17.158.125 đồng, lãi suất quá hạn là 188.414.813 đồng). Từ đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, NH yêu cầu ông K và bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH gồm tiền 315.572.938 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với phần lãi phạt chậm trả lãi 22.035.678. Vào ngày 20/4/2022, NH có đơn xin rút lại đối với khoản tiền này nên căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử.

Về việc xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông K và bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, NH có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD16347/HĐTD ký vào ngày 28/7/2014 để thu hồi nợ gồm diện tích 300m² đất ở và 514m² đất vườn tạp thuộc thửa số 799 tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp PT, xã PL, huyện PL, BL, đất do ông TVK và bà TTĐ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] NH K kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông TVK, bà TNĐ (TTĐ), bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL; Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện NH là nguyên đơn, ông K, bà Đ là đồng bị đơn có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Đối với anh Trọng và anh Nguyễn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trọng và anh Nguyễn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu K kiện của NH đối với ông K và bà Đ, căn cứ hợp đồng tín dụng số HD16347/HĐTD ngày 28/7/2014, giữa NH với vợ chồng ông K, bà Đ vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng với lãi suất trong hạn 1,1775%/tháng; lãi suất cho vay sẽ được thay đổi từ tháng thứ 6 một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 4,14%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; hình thức thanh toán: tiền lãi vay trả hàng quý, tiền vốn vay trả cuối kỳ. NH đã giải ngân cho ông K, bà Đ số tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 29/7/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà Đ có trả được cho NH số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc từ đó đến nay ông K và bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho NH theo hợp đồng đã ký kết. Đến thời điểm hiện tại (tạm tính đến ngày 20/4/2022) NH yêu cầu ông TVK, bà TNĐ (TTĐ) cùng có nghĩa vụ trả cho NH số tiền nợ gốc còn lại là 110.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 17.158.125 đồng và tiền lãi quá hạn là 188.414.813 đồng, tổng cộng là 315.572.938 đồng (Ba trăm mười lăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) thừa nhận có vay NH và còn nợ tính đến ngày 20/4/2022 là 315.572.938 đồng (trong đó số tiền gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.158.125 đồng và tiền lãi suất quá hạn là 188.414.813 đồng). Từ đó, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, NH yêu cầu ông K và bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH tổng số tiền 315.572.938 đồng (Ba trăm mười lăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng) là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để bảo đảm cho khoản vay trên ngày 28/7/2014 ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) đã ký kết hợp đồng thế chấp số HD16347/HĐTC với NH, việc NH với ông K, bà Đ ký kết hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp và không có tranh chấp; tài sản trên thực tế về cơ bản phù hợp với các nội dung của hợp đồng thế chấp và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC968454 do UBND huyện PL, tỉnh BL cấp ngày 16/9/2005; phân đất có diện tích 814,5m² (trong đó có 300m² đất ở và 514,5m² đất vườn tạp), tại thửa đất số 799, tờ bản đồ số 05; đất tọa lạc tại ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. Do TVK và bà TTĐ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Do đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) không thực hiện đúng theo nghĩa vụ của mình nên NH yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp theo quy định của tại các Điều 342, 343 và 355 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, Trong trường hợp ông K, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì NH có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD16347/HĐTC ngày 28/7/2014 để thu hồi nợ cho NH.

[6] Đại diện NH có đơn xin rút lại một phần nội dung đơn K kiện đòi với ông K và bà Đ về số tiền lãi phạt chậm trả là 22.035.678 đồng. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu K kiện của NH đối với ông K và bà Đ về số tiền trên.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) phải nộp số tiền 15.778.646 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng). NH TMCP KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn lại cho NH số tiền 7.187.400 theo biên lai thu số 0009363 ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.050.000 đồng ông K, bà Đ phải chịu. NH không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; NH đã dự nộp chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 1.050.000 đồng đã được

chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông K, bà Đ nộp số tiền 1.050.000 đồng để hoàn trả cho NH.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 217, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 342, 343, 344, 355, 471, 474, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/.Chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của NH TMCP KL đối với ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2/.Buộc ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) có nghĩa vụ trả cho NH TMCP KL tổng số tiền là 315.572.938 đồng (Ba trăm mười lăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng). Trong đó số tiền gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn là 17.158.125 đồng và tiền lãi quá hạn là 188.414.813 đồng (tạm tính đến ngày 20/4/2022) và ông K, bà Đ còn phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD16347/HĐTD ngày 28/7/2014 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

3/.Đình chỉ một phần yêu cầu K kiện của NH TMCP KL đối với ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) về số tiền lãi phạt chậm trả là 22.035.678 đồng.

4/.Trong trường hợp ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) không thanh toán trả số tiền trên thì NH TMCP KL được quyền yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền bán phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD16347/HĐTC ngày 28/7/2014 để thu hồi nợ cho NH. Cụ thể là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC968454 tại thửa đất số 799, tờ bản đồ số 05, phần đất có diện tích 814,5m² do UBND huyện PL, tỉnh BL cấp ngày 16/9/2005. Phần đất tọa lạc tại ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL do ông TVK và bà TTĐ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5/.Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc ông TVK và bà TNĐ (TTĐ) phải nộp số tiền 15.778.646 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng). NH TMCP KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn

lại cho NH số tiền 7.187.400 theo biên lai thu số 0009363 ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL.

6/.Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.050.000 đồng ông K, bà Đ phải chịu. NH không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; NH đã dự nộp chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 1.050.000 đồng đã được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông K, bà Đ nộp số tiền 1.050.000 đồng để hoàn trả cho NH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7/.Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An